

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 - VINACONEX**

Địa chỉ: D9 - Khuất Duy Tiến - TXBắc - Thanh xuân - Hà nội

**A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	Nội dung	30/09/2009	31/12/2009
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>425.323.904.817</b>	<b>592.801.817.380</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	10.009.937.610	86.831.583.500
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	177.918.857.749	189.340.438.346
4	Hàng tồn kho	233.925.061.359	315.612.196.253
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.470.048.099	1.017.599.281
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>54.082.021.075</b>	<b>75.931.905.471</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	30.405.392.218	37.334.800.495
	- TSCĐ hữu hình	21.218.487.423	28.176.516.566
	- TSCĐ thuê tài chính		
	- TSCĐ vô hình	8.693.950.442	8.647.277.147
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	492.954.353	511.006.782
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	21.919.033.753	36.645.052.901
5	Tài sản dài hạn khác	1.757.595.104	1.952.052.075
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>479.405.925.892</b>	<b>668.733.722.851</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>318.797.980.508</b>	<b>496.274.809.136</b>
1	Nợ ngắn hạn	309.822.017.522	489.850.130.750
2	Nợ dài hạn	8.975.962.986	6.424.678.386
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>160.607.945.384</b>	<b>172.458.913.715</b>
1	Vốn chủ sở hữu	156.729.462.639	169.100.792.470
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	74.000.000.000	74.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	74.000.000.000	74.000.000.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	32.364.960.000	32.364.960.000
	- Cổ phiếu quỹ (*)		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	32.519.113.035	32.419.113.035
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.845.389.604	30.316.719.435
2	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
	- Nguồn kinh phí và quỹ khác	3.878.482.745	3.358.121.245
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.878.482.745	3.358.121.245
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>479.405.925.892</b>	<b>668.733.722.851</b>

**B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

STT	Nội dung	Quý 4/2009	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.599.798.725	424.430.466.961
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.599.798.725	424.430.466.961
4	Giá vốn hàng bán	84.071.166.993	388.919.938.074
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.528.631.732	35.510.528.887
6	Doanh thu hoạt động tài chính	9.057.845.376	21.423.805.785
7	Chi phí tài chính	1.306.128.731	4.168.014.177
8	Chi phí bán hàng	0	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.420.811.905	10.829.354.879
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.859.536.472	41.936.965.616
11	Thu nhập khác	156.843.129	796.821.052
12	Chi phí khác	2.047.855.629	2.061.797.049
13	Lợi nhuận khác	-1.891.012.500	-1.264.975.997
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.968.523.972	40.671.989.619
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.497.194.141	10.355.270.184
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.471.329.831	30.316.719.435
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.685	4.097
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	15%	15%



Ngày 20 tháng 01 năm 2010  
 Tổng giám đốc,  
 Nguyễn Khắc Kim